

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT

Ngày: 20-02-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLPT- DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2018/QĐ-PT ngày 25/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 39/2019/QĐ-PT ngày 24/01/2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 59/TB-PT ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Âu Thị Kiều Tr, sinh năm: 1962; cư trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1976, bà Phan Thị Bích H, sinh năm: 1976; cư trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1976, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số ***, quyền số * TP/CC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng nhận ngày */*/2018), có mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Ngọc T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Âu Thị Kiều Tr thì:

Do có quan hệ quen biết nhau nên bà Âu Thị Kiều Tr có cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H vay tiền 03 lần, cụ thể:

+ Ngày 12/12/2016 cho vợ chồng ông T, bà H vay 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 03 ngày;

+ Ngày 20/12/2016 cho vợ chồng ông T, bà H vay 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 03 ngày;

+ Ngày 10/01/2017 cho vợ chồng ông T, bà H vay 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận, không thỏa thuận thời hạn vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông T, bà H đã trả được 68.000.000đ trong đó gồm 50.000.000đ tiền gốc và 18.000.000đ tiền lãi; số tiền còn lại bị đơn vẫn chưa thanh toán nên nay bà Tr yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải trả số nợ gốc còn thiếu là 250.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 10/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H thừa nhận có vay 300.000.000đ như bà T trình bày, tuy nhiên vợ chồng ông, bà đã trả dần được một vài lần số tiền 50.000.000đ, 36.000.000đ, 10.000.000đ và bà T đã bớt 27.000.000đ, nội dung trả nợ đã ghi ở mặt sau giấy vay tiền nên đề nghị Tòa án xem xét.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án số 40/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị Kiều Tr đối với vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H phải có trách nhiệm trả cho bà Tr tổng số tiền 275.575.000đ (trong đó tiền gốc là 250.000.000đ, lãi là 25.575.000đ).

Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 19/10/2018 ông Huỳnh Ngọc T có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Huỳnh Ngọc T vẫn giữ nguyên kháng cáo, cho rằng đã trả cho bà Tr tổng cộng 216.000.000đ tiền lãi và gốc, bà Âu Thị Kiều Tr đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng cản trừ các số tiền thể hiện bị đơn đã trả và bà Tr đã ghi phía sau giấy vay nợ ngày 12/12/2016 và ngày 10/01/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Âu Thị Kiều Tr và vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, giữa các bên lại không thống nhất được với nhau về số tiền đã thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, các bên chỉ tranh chấp về số tiền gốc và lãi đã trả. Theo ông T trình bày thì vợ chồng ông đã trả được tổng cộng 216.000.000đ tiền gốc và lãi nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà Tr lại không thừa nhận nên cần căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do có trong hồ sơ để xem xét, đánh giá các lời trình bày của đương sự, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án phù hợp với các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Tại phiên tòa, dưới sự chứng kiến của bà Tr và ông T; Hội đồng xét xử đã mở phần bị dán mặt sau của Giấy cho vay tiền ngày 12/12/2016 mà bà Tr sử dụng để khởi kiện vợ chồng ông T, bà H, nội dung phần ghi tại mặt sau sau khi mở phần giấy dán đề lên cụ thể như sau:

- "Hôm nay ngày 23/5/2017 cô Tr nhận của Huỳnh Ngọc T 50.000.000đ", có chữ ký và tên của bà Tr;

- Ngoài ra có các dòng diễn giải từ ngày 24/12 đến ngày 18/01 đã trả 27.200.000đ tiền lãi, ngày 16/02 trả được 17.000.000đ tiền lãi, trả hết tháng ba được 26.000.000đ, tháng 4 trả 6.000.000đ, ngày 25/4 trả thêm 5.000.000đ, ngày 03/5 trả 3.000.000đ.

Bà Tr thừa nhận các khoản tiền vừa nêu thì 50.000.000đ trả ngày 23/5/2017 là tiền gốc, các khoản tiền còn lại là vợ chồng ông T, bà H trả lãi, tổng cộng là 84.200.000đ. Cộng cả hai khoản mà bà Tr đã nhận thể hiện mặt sau của Giấy cho vay tiền ngày 12/12/2016 là 134.200.000đ.

Ngoài ra, tại mặt sau của Giấy cho vay tiền ngày 10/01/2017 thể hiện nội dung "Hôm nay ngày 27/5/2017 ông Huỳnh Ngọc Tr trả 50.000.000đ (năm mươi triệu)".

Các Giấy vay tiền này bà Tr là người trực tiếp giữ và dùng làm chứng cứ để khởi kiện vợ chồng T, bà H. Tại phiên tòa bà Tr cũng thừa nhận sau những nội dung vừa nêu nói trên là đúng sự thật, các số tiền thể hiện tại mặt sau của hai Giấy cho vay nợ vừa nêu là tiền mà ông Tr đã trả nên cần căn cứ vào đây để đánh giá chứng cứ và tính toán số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn.

[4] Như vậy, trong thực tế vợ chồng ông T, bà H đã trả cho bà Tr 100.000.000đ tiền gốc vào các ngày 23/5/2017 và 27/5/2017, tiền lãi đã trả tổng cộng là 84.200.000đ. Cộng khác khoản tiền bị đơn đã trả là 184.200.000đ.

[5] Theo lời trình bày của ông T thì quá trình vay tiền, bà Tr lấy lãi là 6.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 18%/tháng, bà Tr không thừa nhận mà cho rằng hai bên chỉ thỏa thuận lãi là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 6%/tháng. Như vậy giữa các bên có tranh chấp lãi suất nên cần áp dụng quy định của pháp luật để tính lãi cho đương sự. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên cần chấp nhận.

Theo hồ sơ thể hiện thì bà Tr chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/10/2018) nên lãi suất được tính như sau:

+ Từ ngày 10/01/2017 -> ngày 23/5/2017:

$300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 04\text{ tháng } 13\text{ ngày} = 11.039.000đ;$

+ Từ ngày 24/5/2017 -> 27/5/2017:

$250.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 03\text{ ngày} = 207.500đ;$

+ Từ ngày 28/5/2017 -> 17/10/2018:

$200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 16\text{ tháng } 19\text{ ngày} = 27.611.400đ;$

Tổng cộng tiền lãi vợ chồng ông T, bà H phải trả là: 38.857.900đ.

Như tại mục [4] đã phân tích, trong thực tế bà Tr đã nhận của vợ chồng ông T, bà H 84.200.000đ tiền lãi, do vậy cần trừ vào số tiền vợ chồng ông T, bà H phải có nghĩa vụ trả lãi, phần còn lại là 45.342.100đ cần trừ vào tiền gốc cho bị đơn là phù hợp.

Sau khi cần trừ thì vợ chồng ông T, bà H còn phải trả cho bà Tr 154.657.900đ nợ gốc.

[6] Cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền 154.657.900đ nợ gốc.

[7] Về án phí: vợ chồng ông T, bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Tr là 7.732.900đ {154.657.900 x 3%}, bà Tr phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là 6.045.900đ {(275.575.000đ – 154.657.900đ) = 120.917.100đ x 5%}.

Do sửa án nên đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị Kiều Tr đối với vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H về việc: “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H phải trả cho bà Âu Thị Kiều Tr số tiền 154.657.900đ (một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Phan Thị Bích H phải chịu 7.732.900đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005457 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông T, bà H còn phải nộp 7.432.900đ.

Bà Âu Thị Kiều Tr phải chịu 6.045.900đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà Trang đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005151 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng; bà Tr được nhận lại 3.954.100đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch